

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Phạm Hữu C, sinh năm 1957; nơi ở hiện nay: Số A P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Ông Đặng Đình P, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình; có mặt tại điểm cầu trung tâm.

3. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú: Số C N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt tại điểm cầu trung tâm.

4. Ông Trần Minh P1, sinh năm 1957; đăng ký thường trú: Số A N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số F đường Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Ông Ngô Duy H1, sinh năm 1950; nơi đăng ký thường trú: Số D N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số A phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Luật sư Trần Văn H2 - Công ty L2 và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Vắng mặt.

2. Luật sư Trần Đại P2 - Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt tại điểm cầu trung tâm.

*** Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân quận N

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N

Cùng có địa chỉ: Lô B, khu đô thị M - Sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Hoàng Hải N, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q, Phó Giám đốc Trung tâm P4; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N1, Chủ tịch UBND phường L; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngô Duy H1, sinh năm 1950; nơi đăng ký thường trú: Số D N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng, nơi ở hiện nay: Số nhà A, ngõ A, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Chị Ngô Thị Thu H3, sinh năm 1991; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Lê Thị L thống nhất trình bày:***

Gia đình bà có thửa đất tại địa chỉ số D, N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc thửa đất do gia đình (thế hệ cha ông) tự khai hoang vượt lập, sinh sống ổn định từ những năm 1959, 1960 và được chính quyền địa phương xác nhận là đất gia đình tự khai hoang phục hóa, gia đình đóng thuế đầy đủ hàng năm từ khi bắt đầu sử dụng đất. Ngày 12/4/1990, gia đình bà đã chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Nguyễn Danh L1, được UBND phường L xác nhận vào ngày 15/4/1990. Năm 1996, khi thực hiện Dự án đường 5 nhằm mục đích phát triển hạ tầng giao thông, nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình và các cơ quan chức năng xác định là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi. Năm 2001, sau khi thực hiện Dự án đường E, UBND phường L tiến hành đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất và cấp cho gia đình Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện gia đình bà là chủ sử dụng hợp pháp 58.8m² đất ở. Năm 2018, Nhà nước thi công đường cống hộp đã làm nứt vỡ nhà của gia đình, nhà nước đã bồi thường cho gia đình bà để xây lại căn nhà phía mặt mương đã được thi công theo đúng chỉ giới đã được đo đạc kiểm đếm trước đó. Ngày 13/5/2020, Trung tâm K (thuộc Sở T1) lập Trích lục địa chính số 69/2020-TL. Theo trích lục gia đình được ghi nhận sử dụng 63,5m² đất ở. Như vậy, gia đình đã sử dụng ổn định thửa đất từ trước ngày 15/10/1993, đến cuối năm 2022, gia đình bà đã sử dụng ổn định, không xảy ra tranh chấp, không có hành vi phạm vi phạm về đất đai, được ghi nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp bởi các cơ quan hành chính Nhà nước qua nhiều thời kỳ. Vì vậy, gia đình bà thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai 2013 và phải được bồi thường đủ 100% giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất với diện tích 63,5m² đất ở. Tuy nhiên, trong quá trình thu hồi đất, UBND phường L và UBND quận N đã có các sai phạm sau đây:

Xác định sai nguồn gốc đất khi cho rằng đất gia đình đang sử dụng là lấn chiếm đất của HTX Đ và trừ 50% giá trị quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Không có tài liệu nào chứng minh việc gia đình bà L lấn chiếm hồ cá của HTX Đ.

Các Biên bản vi phạm hành chính do UBND phường L lập và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính lập các ngày 16/9/2022 và ngày 01/11/2022 là trái quy định pháp luật cả về hình thức và nội dung, cụ thể: Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính: Trong quá trình xử lý vi phạm hành chính, việc lập biên bản vi phạm hành chính phải được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện

công khai, minh bạch, dân chủ và đều bắt buộc cơ quan có thẩm quyền xử phạt phải làm việc với cá nhân, tổ chức vi phạm. Tuy nhiên, khi UBND phường L tiến hành lập biên bản vi phạm và biên bản xác minh tình tiết vi phạm thì gia đình không hề hay biết, không nhận được bất kỳ thông báo và cũng không hề cho người dân được giải trình. Về nội dung: Các thế hệ gia đình sinh sống tại đây đã hàng chục năm nhưng chưa bao giờ bị Cơ quan chức năng thông báo hay xử lý về hành vi vi phạm. Những người ký tên vào Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc N1 (Chủ tịch UBND phường), ông Bùi Đức P3 (Công chức Địa chính – Xây dựng), ông Nguyễn Văn N2 (Công chức Địa chính – Xây dựng phường), bà Nguyễn Thị Kim A (Chủ tịch UBMTTQVN phường, ông Vũ Xuân S – Tổ trưởng Tổ dân phố số E phường L). Toàn bộ những người này, tại thời điểm năm 2006 chưa giữ bất cứ chức vụ, quyền hạn nào tại UBND phường L hay tổ dân phố lại xác nhận vi phạm xây dựng công trình trái phép từ năm 2006. Đặc biệt, theo Trích lục địa chính số 69/2020 – TL do Trung tâm K lập vào ngày 13/5/2020, bà L cho rằng thửa đất của gia đình bà không vi phạm vào chỉ giới xây dựng thể hiện trên trích lục địa chính số 69. Vậy thì UBND phường Lạch Tray căn cứ vào đâu xác định gia đình lấn chiếm 13.02m² hành lang đường An Kim H4. Như vậy, UBND phường L xác lập và ban hành các văn bản không có căn cứ về mặt nội dung và sai qui định về trình tự, thủ tục. Căn cứ vào các Biên bản này, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế đều trái pháp luật: thực tế gia đình sử dụng 63,5m² đất ở nhưng tại phương án bồi thường chỉ ghi nhận 50,48m² gây thiệt hại cho gia đình 13,02m² đất ở.

Trên thực tế gia đình bị thu hồi đất từ ngày 17/11/2022 nhưng gia đình vẫn chưa được nhận tái định cư nên đề nghị UBND quận N phải chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho đến khi gia đình nhận được bàn giao tái định cư và hỗ trợ thêm 06 tháng kể từ nhận đất theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Đất đai “Việc thu hồi đất ở chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành xây dựng nhà ở hoặc cơ sở hạ tầng của khu tái định cư”.

Từ các sai phạm trên, bà Lê Thị L đề nghị Tòa án tuyên hủy các quyết định hành chính sau:

- + Quyết định hành chính số 3129/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I);

- + Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các

dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I) tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình bà Lê Thị L;

+ Quyết định số 2544/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 v/v Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N;

+ Quyết định số 2881/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022 v/v sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N;

+ Quyết định số 3250/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 v/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N

**** Quan điểm của người bị kiện:***

Nguồn gốc đất thu hồi của hộ bà Lê Thị L nguyên là hồ cá của Hợp tác xã Đ. Sau khi thu hồi đường 5 diện tích còn lại là 50,8m². Đến năm 2001, diện tích sử dụng 58,8m²; đến năm 2020 diện tích sử dụng 63.5m²; diện tích biến động tăng thêm 13,02 m² là do sử dụng ra mương An Kim H4. Căn cứ Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai nhưng nay nếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất”.

UBND quận N, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành các Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 3095/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ bà Lê Thị L; ban hành các Quyết định số 2544/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022, Quyết định số 2881/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022, Quyết định số 3250/QĐ-CCXP là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Hộ Lê Thị L đã được bồi thường về đất 1.214.044.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc 373.919.031 đồng, bồi thường chi phí di chuyển 5.000.000 đồng, các khoản hỗ trợ 41.000.000 đồng; và về tái định cư giao 01 suất tái định cư. Quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà Lê Thị L đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án giữ nguyên các quyết định mà Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND quận N đã ban hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2024/HC-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 74, Điều 75, khoản 1, khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 1, khoản 2 Điều 6, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; khoản 4 Điều 27, Điều 28 Pháp lệnh khai thác và bảo vệ các công trình Thủy lợi số 36 ngày 31/8/1994; điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; điểm b khoản 1 Điều 6, Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85, khoản 3 Điều 18, Điều 70, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung 2020; Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 8, Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Lê Thị L về việc:

- Hủy Quyết định hành chính số 3129/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I);

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I) tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình bà Lê Thị L);

- Hủy Quyết định số 2544/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 v/v Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N;

- Hủy Quyết định số 2881/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022 v/v sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N;

- Hủy Quyết định số 3250/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 v/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N

- Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do đất tiếp giáp hai mặt đường;

- Yêu cầu UBND quận N chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình người khởi kiện từ khi bàn giao đất cho đến khi gia đình nhận được bàn giao tái định cư.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/03/2024, người khởi kiện bà Lê Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của **bà Lê Thị L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và** xin rút các yêu cầu:

- Hủy Quyết định hành chính số 3129/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I);

- Hủy Quyết định số 2544/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 v/v Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N;

- Hủy Quyết định số 2881/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022 v/v sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N;

- Hủy Quyết định số 3250/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 v/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N

- Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do đất tiếp giáp hai mặt đường;

- Yêu cầu UBND quận N chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình người khởi kiện từ khi bàn giao đất cho đến khi gia đình nhận được bàn giao tái định cư.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I) tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình bà Lê Thị L); buộc Ủy ban nhân dân quận N phải thay đổi, bổ sung thêm phương án bồi thường cho nhà bà lợi, bồi thường đầy đủ 100% giá trị đất ở mà không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tổ tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng

đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Lê Thị L nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; Điều 115; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 157 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của người khởi kiện bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định: Hủy Quyết định hành chính số 3129/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I); Hủy Quyết định số 2544/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 v/v Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Hủy Quyết định số 2881/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022 v/v sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N; Hủy Quyết định số 3250/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 v/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do đất tiếp giáp hai mặt đường; Yêu cầu UBND quận N chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình người khởi kiện từ khi bàn giao đất cho đến khi gia đình nhận được bàn giao tái định cư.

Tuy nhiên, tại văn bản số 4764/UBND – TNMT ngày 24 tháng 12 năm 2024 người bị kiện đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm; không đồng ý yêu cầu bổ sung hoặc rút một phần nội dung khỏi kiện của người ngồi kiện.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Tòa án sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện của người bị kiện về hủy các quy định nêu trên là có căn cứ, do đó người khởi kiện đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, nên cần chấp nhận. Do người bị kiện không đồng ý yêu cầu bổ sung hoặc rút một phần nội dung khỏi kiện của người ngồi kiện; nên Hội đồng xét xử cần xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm bác yêu cầu hủy các định nêu trên.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà Lê Thị L hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường; buộc Ủy ban nhân dân quận N phải thay đổi, bổ sung thêm phương án bồi thường cho nhà bà lợi, bồi thường đầy đủ 100% giá trị đất ở mà không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành các quyết định: Căn cứ Khoản 3 Điều 69, Điều 66 Luật đất đai thì UBND quận N ban hành QĐ thu hồi đất 3129, QĐ phê duyệt PABT hỗ trợ và TĐC 3148 là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về trình tự, thủ tục: Ngày 11/5/2022, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1352/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của quận N, UBND quận N đã ban hành Thông báo số 288/TB_UBND ngày 17/5/2022 về việc thu hồi đất. Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện kiểm đếm, đo đạc đối với đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ bà L. Ngày 09/8/2022, UBND xã thực hiện phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về thời điểm sử dụng đất và xây dựng nhà ở của hộ bà L. Ngày 17/11/2022, UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất số 3129 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3148 là đúng trình tự, thủ tục theo Điều 69 Luật đất đai.

[2.3] Về căn cứ ban hành:

[2.3.1] Về nguồn gốc, diện tích thửa đất:

- Theo Báo cáo số 220 của UBND phường L thì thửa đất thu hồi của bà Lê Thị L có nguồn gốc như sau: Nguyên là hồ cá của HTX Đ, Ông Trần Văn D tự vượt lập trước năm 1970 để lại cho con dâu là bà Lê Thị L, diện tích 109,55m².

- Theo Trích lục nguồn gốc đất đai của UBND phường L: Nguyên là đất của ông Trần Văn D (đã chết) tự vượt lập từ trước năm 1970 để cho con dâu là bà Lê Thị L. Sau khi có đường bao gia đình tự vượt lập để sử dụng

- Theo Danh sách các Hộ lấn chiếm đất làm nhà trái phép trên dải hành lang đường An Kim H4 của UBND phường L, quận N hiện đang lưu trữ thì bà Lê Thị

L (39 tuổi) ở tại số B L (số người đăng ký ăn ở tại chỗ là 06 người) có tổng diện tích đất sử dụng 80m² - Diện tích nhà 30m² tường gạch chỉ 20cm cao 5m mái tôn proximãng.

- Theo Bản đồ địa chính đường 5 năm 1996, hộ bà Lê Thị L sử dụng diện tích đất 109,55m² thuộc số thửa 89b+89a+89, diện tích ghi trong chỉ giới thu hồi là 59,07m² thuộc thửa 89b (Thực tế thu hồi là 64,54m²; trong đó 4,47m² bồi thường ngoài bản đồ địa chính); diện tích còn lại là 50,48m².

- Theo Bản đồ địa chính năm 2001 của phường L, bà Lê Thị L đứng tên sử dụng đất tại thửa số 497, tờ bản đồ địa chính LT22; diện tích 58,8m², mục đích sử dụng: Làm nhà ở. Diện tích biến động tăng 8,32m²

- Theo Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 do Trung tâm K lập ngày 13/5/2020 thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (Giai đoạn 1) hộ bà Lê Thị L sử dụng đất tại thửa đất 61, loại đất ở đô thị; diện tích 63,5m²; biến động tăng so với diện tích trong bản đồ địa chính năm 2001 là 4,7m².

- Theo Trích đo hiện trạng tỷ lệ 1/500 hệ tọa độ VN-2000; Lo = 105 45 khu đất giáp đường N đoạn từ cầu vượt Lạch Tray đến đường V dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ, quận N thuộc địa phận phường L, quận N do Trung tâm Kỹ thuật – Dữ liệu, Thông tin Tài Nguyên và M lập ngày 08/9/2022 thể hiện nội dung phần diện tích 13.02m² tăng thêm nhà bà Lê Thị L là do lấn chiếm ra mương An Kim H4.

- Theo Biên bản kiểm tra ngày 14/4/1994 tại nhà bà Lê Thị L tại số B N, đoàn kiểm tra đã kiểm tra: Gia đình đã và đang chiếm giữ đất để sử dụng có tổng số diện tích đất 80m², trong đó nhà ở diện tích 30m² xây dựng năm 1991, công trình phụ 12m², tường xây 0,2m gạch chỉ, lợp tôn pro cao 5m, số nhân khẩu đang ăn ở tại đây 06 người và kết luận: Gia đình bà L phải đình chỉ ngay về việc xây dựng, tự tháo dỡ nhà, di chuyển toàn bộ người và tài sản về nơi ở cũ để trả lại mặt bằng cho Sở Thủy lợi quản lý. Thời gian di chuyển chậm nhất vào ngày 30/4/1994. Nếu sau thời hạn trên gia đình không chấp hành nghiêm chỉnh thì bị xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Tại Biên bản này thể hiện: Bà Lê Thị L có làm việc với đoàn kiểm tra và có ký vào biên bản.

[2.3.2] Đối với diện tích 50,48 m² đã thu hồi, bên phía người khởi kiện cho rằng không phải nộp nghĩa vụ tài chính 50%, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai: “...2. Hộ gia

đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; nộp 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất vượt hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Đối chiếu với các quy định pháp luật nêu trên xét thấy trong quá trình sử dụng đất của hộ bà Lê Thị L thuộc trường hợp “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất”. Vì vậy, UBND quận N xác định diện tích đất 50,48m² thu hồi đối với hộ gia đình bà Lê Thị L phải nộp 50% nghĩa vụ tài chính là có căn cứ. Do đó, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bà Lê Thị L không cung cấp thêm chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị L.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2024/HC-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.
3. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lê Thị L do là người cao tuổi.

4. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà